

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN VIMECO

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	13 - 43



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vimeco (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Vimeco, tiền thân là Công ty Cơ giới và Lắp máy được thành lập theo Quyết định số 179/BXD-TCLĐ ngày 24 tháng 3 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Cơ giới Lắp máy và Xây dựng theo Quyết định số 1485/BXD-TCLĐ ngày 07 tháng 11 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103001651, đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 12 năm 2002.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 16 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi, trong đó thay đổi lần thứ 16 ngày 05 tháng 8 năm 2024 về việc thay đổi vốn điều lệ.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Tòa nhà Vimeco, lô E9, đường Phạm Hùng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
- Điện thoại : 0243 7848 204
- Fax : 0243 7848 202

Công ty có Chi nhánh Hồ Chí Minh đặt tại địa chỉ tại 47 Điện Biên Phủ, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động kinh doanh của Công ty: Xây lắp; sản xuất và bán bê tông; cho thuê văn phòng.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bỏ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Dương Văn Mậu	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 06 tháng 4 năm 2023
Ông Nguyễn Khắc Hải	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 06 tháng 4 năm 2023
Ông Đặng Văn Hiếu	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 06 tháng 4 năm 2023
Ông Trần Đình Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 4 năm 2023
Ông Bùi Văn Thiềng	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 4 năm 2023

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Ông Vũ Văn Mạnh	Trưởng ban	Ngày 06 tháng 4 năm 2023
Bà Trần Thị Kim Oanh	Thành viên	Ngày 06 tháng 4 năm 2023
Ông Nguyễn Tiến Khánh	Thành viên	Ngày 06 tháng 4 năm 2023

Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bỏ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Đặng Văn Hiếu	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 18 tháng 01 năm 2024
Ông Đoàn Ngọc Ba	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 4 năm 2022
Ông Nguyễn Đắc Trường	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 11 năm 2022
Ông Vũ Minh Hoàng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 01 năm 2023
Ông Hoàng Anh Tuyên	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 01 năm 2023
Bà Trần Thị Hồng	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 01 năm 2025
Bà Võ Thị Hải An	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 20 tháng 01 năm 2025

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Đặng Văn Hiếu – Tổng Giám đốc (tái bổ nhiệm ngày 18 tháng 01 năm 2024).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,
Tổng Giám đốc



Đặng Văn Hiếu

Ngày 22 tháng 02 năm 2025

Số: 2.0087/25/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN VIMECO**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Vimeco (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 22 tháng 02 năm 2025, từ trang 06 đến trang 43, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vimenco tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Vũ Minh Khôi - Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2897-2025-008-1

Người được ủy quyền

Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2025



Vũ Tuấn Nghĩa - Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 4028-2022-008-1

CÔNG TY CỔ PHẦN VIMECO

Địa chỉ: Tòa nhà Vimeco, lô E9, đường Phạm Hùng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.144.713.517.063	1.202.622.211.746
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	103.393.754.392	54.710.501.021
1. Tiền	111		67.393.754.392	22.710.501.021
2. Các khoản tương đương tiền	112		36.000.000.000	32.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		16.001.000.000	41.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	16.001.000.000	41.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		696.926.749.100	781.311.550.097
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	395.454.828.461	434.185.576.760
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	111.085.351.201	198.521.228.402
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5a	21.812.797.157	2.236.165.453
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	203.892.329.266	183.750.781.132
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(35.318.556.985)	(37.382.201.650)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		327.921.295.100	325.582.153.885
1. Hàng tồn kho	141	V.8	327.921.295.100	325.582.153.885
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		470.718.471	18.006.743
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	180.730.265	17.926.743
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		289.988.206	80.000
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VIMECO

Địa chỉ: Tòa nhà Vimeco, lô E9, đường Phạm Hùng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		269.898.998.356	260.095.146.750
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.363.122.300	4.899.235.728
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5b	-	1.536.113.428
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	3.363.122.300	3.363.122.300
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		187.075.489.939	213.951.708.410
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	152.964.131.350	176.840.406.689
Nguyên giá	222		577.164.281.507	596.091.300.714
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(424.200.150.157)	(419.250.894.025)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	30.490.202.957	33.398.221.721
Nguyên giá	225		37.688.331.558	37.688.331.558
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(7.198.128.601)	(4.290.109.837)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	3.621.155.632	3.713.080.000
Nguyên giá	228		3.724.581.000	3.713.080.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(103.425.368)	-
III. Bất động sản đầu tư	230	V.13	21.732.299.879	-
Nguyên giá	231		23.866.615.263	2.134.315.384
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(2.134.315.384)	(2.134.315.384)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		9.001.562.600	9.001.562.600
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	V.14	9.001.562.600	9.001.562.600
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		37.690.000.000	12.438.952.736
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	12.000.000.000	12.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	6.062.500.000	6.062.500.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(5.372.500.000)	(5.623.547.264)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	25.000.000.000	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		11.036.523.638	19.803.687.276
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	11.036.523.638	19.803.687.276
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.15	-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.414.612.515.419	1.462.717.358.496

CÔNG TY CỔ PHẦN VIMECO

Địa chỉ: Tòa nhà Vimeco, lô E9, đường Phạm Hùng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.057.820.632.929	1.109.118.142.456
I. Nợ ngắn hạn	310		1.027.668.877.923	1.064.906.559.730
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.16	248.355.432.398	269.291.030.070
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.17	182.100.897.739	207.193.666.209
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.18	3.942.851.007	8.828.329.760
4. Phải trả người lao động	314		5.917.817.777	7.250.442.163
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.19	26.872.639.339	44.089.879.083
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.20a	2.820.651.915	2.898.199.690
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.21a	10.741.297.309	10.512.421.252
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.22a	546.917.066.072	514.842.367.136
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		224.367	224.367
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		30.151.755.006	44.211.582.726
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.20b	6.136.363.639	7.045.454.547
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.21b	2.281.578.956	1.176.062.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.22b	21.733.812.411	35.990.066.179
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VIMECO

Địa chỉ: Tòa nhà Vimeco, lô E9, đường Phạm Hùng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		356.791.882.490	353.599.216.040
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.23	356.791.882.490	353.599.216.040
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		261.341.320.000	237.589.510.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		261.341.320.000	237.589.510.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		30.000.000.000	30.000.000.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		50.836.033.694	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		14.614.528.796	86.009.706.040
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		11.421.862.346	86.009.706.040
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.192.666.450	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.414.612.515.419	1.462.717.358.496

Lập, ngày 22 tháng 02 năm 2025

Người lập biểu

Võ Thị Hải An

Kế toán trưởng

Trần Thị Hồng

Tổng Giám đốc
CÔNG TY
CỔ PHẦN
VIMECO

Đặng Văn Hiếu

CÔNG TY CỔ PHẦN VIMECO

Địa chỉ: Tòa nhà Vimeco, lô E9, đường Phạm Hùng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.110.257.880.356	1.161.249.645.526
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.110.257.880.356	1.161.249.645.526
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.028.119.621.193	1.078.229.558.791
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		82.138.259.163	83.020.086.735
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	4.419.171.757	9.103.555.567
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	41.927.672.658	49.891.306.864
Trong đó: chi phí lãi vay	23		42.178.719.922	50.182.834.381
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	40.067.866.492	41.025.490.127
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.561.891.770	1.206.845.311
11. Thu nhập khác	31	VI.6	5.703.471.543	10.426.767.544
12. Chi phí khác	32	VI.7	1.736.815.567	141.181.010
13. Lợi nhuận khác	40		3.966.655.976	10.285.586.534
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		8.528.547.746	11.492.431.845
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.19	5.335.881.296	6.834.112.089
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.192.666.450	4.658.319.756
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	-	-

Lập, ngày 22 tháng 02 năm 2025

Người lập biểu

Võ Thị Hải An

Kế toán trưởng

Trần Thị Hồng

Tổng Giám đốc



Đặng Văn Hiếu

CÔNG TY CỔ PHẦN VIMECO

Địa chỉ: Tòa nhà Vimeco, lô E9, đường Phạm Hùng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		8.528.547.746	11.492.431.845
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	VI.9	29.636.176.668	31.132.576.878
- Các khoản dự phòng	03		(2.314.691.929)	(1.096.838.502)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(9.894.765.316)	(19.479.579.149)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	42.178.719.922	50.182.834.381
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		68.133.987.091	72.231.425.453
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		84.648.609.907	47.272.907.705
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(2.339.141.215)	22.427.446.883
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(67.390.499.731)	(153.654.264.542)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		8.604.360.116	(605.092.627)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(42.343.758.613)	(50.107.746.743)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.18	(6.844.492.549)	(2.232.555.597)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		42.469.065.006	(64.667.879.468)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(3.507.863.289)	(21.588.333.775)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		6.451.155.261	11.433.082.677
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(20.001.000.000)	(1.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1.959.481.724	38.459.540.425
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	11.076.050.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.545.774.521	5.630.916.468
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(11.552.451.783)	45.010.255.795

CÔNG TY CỔ PHẦN VIMECO

Địa chỉ: Tòa nhà Vimeco, lô E9, đường Phạm Hùng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.22	934.709.264.524	917.177.485.025
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.22	(908.531.694.356)	(901.665.827.904)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.22	(8.359.125.000)	(8.170.125.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(51.805.020)	(53.044.010)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		17.766.640.148	7.288.488.111
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		48.683.253.371	(12.369.135.562)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	54.710.501.021	67.079.636.583
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	103.393.754.392	54.710.501.021

Người lập biểu

Võ Thị Hải An

Kế toán trưởng

Trần Thị Hồng

Lập, ngày 22 tháng 02 năm 2025

Tổng Giám đốc



Đặng Văn Hiếu

CÔNG TY CỔ PHẦN VIMECO

Địa chỉ: Tòa nhà Vimeco, lô E9, đường Phạm Hùng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vimeco (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp và xây lắp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Xây lắp; sản xuất và bán bê tông; cho thuê văn phòng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Công ty con

Công ty chỉ đầu tư vào 01 công ty con là Công ty Cổ phần Hệ thống Giáo dục Vimeco có trụ sở chính tại số 4 Nguyễn Chánh, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là lĩnh vực giáo dục. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 99,75%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Công ty có đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc là Chi nhánh Hồ Chí Minh, địa chỉ tại 47 Điện Biên Phủ, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có 353 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 472 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIMECO

Địa chỉ: Tòa nhà Vimeco, lô E9, đường Phạm Hùng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty và các đơn vị trực thuộc. Giao dịch và số dư giữa Văn phòng Công ty và các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chỉ bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Thu nhập từ các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIMECO

Địa chỉ: Tòa nhà Vimeco, lô E9, đường Phạm Hùng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Cổ tức của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các năm sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các năm sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của đơn vị được đầu tư, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại đơn vị và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại đơn vị đó.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIMECO

Địa chỉ: Tòa nhà Vimeco, lô E9, đường Phạm Hùng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là Công cụ dụng cụ, Chi phí sửa chữa tài sản cố định, Chi phí trạm bê tông phục vụ dự án. Các chi phí trả trước khác được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng từ 02 – 03 năm.

Chi phí trạm bê tông phục vụ dự án

Chi phí trạm bê tông phục vụ dự án được phân bổ vào chi phí theo tỷ lệ sản lượng thực hiện trong năm trên sản lượng dự kiến.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	3 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3,5 - 5
Tài sản cố định khác	3,5 - 5

CÔNG TY CỔ PHẦN VIMECO

Địa chỉ: Tòa nhà Vimeco, lô E9, đường Phạm Hùng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (thời gian là 19 năm).

9. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10

10. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư của Công ty là một phần diện tích văn phòng tại tòa nhà Vimeco tại Lô E9, đường Phạm Hùng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội và Khu trường nghề tại xã Phú Minh, thị trấn Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, đang được sử dụng cho các đối tác thuê hoạt động.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong vòng 07 – 16 năm.

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIMECO

Địa chỉ: Tòa nhà Vimeco, lô E9, đường Phạm Hùng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIMECO

Địa chỉ: Tòa nhà Vimeco, lô E9, đường Phạm Hùng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán thành phẩm (bê tông)

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm như người sở hữu sản phẩm hoặc quyền kiểm soát sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng năm.

Cổ tức được chia

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

16. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIMECO

Địa chỉ: Tòa nhà Vimeco, lô E9, đường Phạm Hùng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	Cổ đông góp vốn (từ 23/12/2024)
Công ty Cổ phần Hệ thống Giáo dục Quốc tế Vimeco	Công ty mẹ (đến 23/12/2024)
Công ty TNHH MTV Vinaconex Xây dựng	Công ty con
Công ty Cổ phần Cơ điện Vinaconex	Công ty cùng Tập đoàn (đến 23/12/2024)
Công ty Cổ phần Vinaconex 25	Công ty cùng Tập đoàn (đến 23/12/2024)
Công ty Cổ phần Xây dựng số 1	Công ty cùng Tập đoàn (đến 23/12/2024)
Công ty Cổ phần Xây dựng số 12	Công ty cùng Tập đoàn (đến 23/12/2024)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Đô thị Việt Nam	Công ty cùng Tập đoàn (đến 23/12/2024)
Công ty TNHH Bê tông nhựa Vinaconex – Tấn Lộc	Công ty cùng Tập đoàn (đến 23/12/2024)

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIMECO

Địa chỉ: Tòa nhà Vimeco, lô E9, đường Phạm Hùng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	5.916.774.943	3.742.335.907
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	61.476.979.449	18.968.165.114
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng) ^(*)	36.000.000.000	32.000.000.000
Cộng	103.393.754.392	54.710.501.021

(*) Trong đó, khoản tiền gửi kỳ hạn 03 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Hà Đông, số tiền 20.000.000.000 VND, đã được dùng để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng (số đầu năm: 20.000.000.000 VND).

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là các khoản hợp đồng tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc từ 12 tháng đến 13 tháng, lãi suất từ 4,2%/năm đến 4,7%/năm, có giá trị ghi sổ bằng giá gốc.

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	16.001.000.000	41.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	16.001.000.000	41.000.000.000
Dài hạn	25.000.000.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn	25.000.000.000	-
Cộng	41.001.000.000	41.000.000.000

Toàn bộ các hợp đồng tiền gửi này được dùng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng thương mại (xem Thuyết minh số V.22).

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	12.000.000.000	-	12.000.000.000	(251.047.264)
Công ty Cổ phần Hệ thống Giáo dục Quốc tế Vimeco ⁽ⁱ⁾	12.000.000.000	-	12.000.000.000	(251.047.264)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	6.062.500.000	(5.372.500.000)	6.062.500.000	(5.372.500.000)
Công ty Cổ phần Vipaco ⁽ⁱⁱⁱ⁾	5.312.500.000	(5.312.500.000)	5.312.500.000	(5.312.500.000)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Bắc miền Trung ⁽ⁱⁱ⁾	690.000.000	-	690.000.000	-
Công ty Cổ phần Đá trắng Yên Bình ⁽ⁱⁱⁱ⁾	60.000.000	(60.000.000)	60.000.000	(60.000.000)
Cộng	18.062.500.000	(5.372.500.000)	18.062.500.000	(5.623.547.264)

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0109974057 thay đổi lần 01 ngày 16 tháng 7 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Công ty Cổ phần Hệ thống Giáo dục Quốc tế Vimeco có vốn điều lệ 12.030.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 12.000.000.000 VND, tương đương 99,75% vốn điều lệ đã góp (không thay đổi so với đầu năm).

(ii) Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Bắc miền Trung 690.000.000 VND, sở hữu 69.000 cổ phần, tương đương 0,79% vốn điều lệ (không thay đổi so với đầu năm).

CÔNG TY CỔ PHẦN VIMECO

Địa chỉ: Tòa nhà Vimenco, lô E9, đường Phạm Hùng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- (iii) Từ năm 2019 đến nay, Công ty không thu thập được Báo cáo tài chính, cũng như không còn liên hệ với Công ty Cổ phần Vipaco và Công ty Cổ phần Đá trắng Yên Bình. Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng 100% đối với các khoản đầu tư này.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của công ty con

Công ty con đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	5.623.547.264	15.611.578.571
Hoàn nhập dự phòng	(251.047.264)	(291.527.517)
Sử dụng dự phòng do thanh lý khoản đầu tư	-	(9.696.503.790)
Số cuối năm	5.372.500.000	5.623.547.264

Giao dịch với công ty con

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với công ty con như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty Cổ phần Hệ thống giáo dục Quốc tế Vimenco</i>		
Doanh thu tiền điện, nước	146.038.367	152.686.253
Doanh thu cho thuê tài sản	909.090.908	909.090.908
Vay dài hạn công ty con	700.000.000	2.900.000.000
Lãi vay phải trả	-	94.437.534

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	167.671.143.652	116.435.292.123
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	163.216.892.455	112.992.203.326
Công ty Cổ phần Xây dựng số 1	2.953.286.777	3.103.286.777
Công ty Cổ phần Vinaconex 25	1.500.964.420	339.802.020
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	227.783.684.809	317.750.284.637
Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sunrise Việt Nam	2.000.000.000	29.783.391.556
Công ty Cổ phần Tập đoàn Danko	30.275.167.432	46.762.536.340
Các khách hàng khác	195.508.517.377	241.204.356.741
Cộng	395.454.828.461	434.185.576.760

CÔNG TY CỔ PHẦN VIMECO

Địa chỉ: Tòa nhà Vimeco, lô E9, đường Phạm Hùng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	<i>4.933.776.136</i>	<i>4.933.776.136</i>
Công ty TNHH MTV Vinaconex Xây dựng	4.933.776.136	4.933.776.136
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>106.151.575.065</i>	<i>193.587.452.266</i>
Công ty Cổ phần Cơ khí và Thương mại Tràng An ⁽ⁱ⁾ (trước là Công ty Cổ phần Vimeco Cơ khí và Thương mại)	31.571.538.937	2.743.979.856
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại Sol Enc ⁽ⁱⁱ⁾	46.783.575.160	69.862.929.000
Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Central Thăng Long	-	70.000.000.000
Các nhà cung cấp khác	27.796.460.968	50.980.543.410
Cộng	111.085.351.201	198.521.228.402

(i) Là khoản ứng trước mua bán vật liệu các loại phục vụ thi công các dự án của công ty trong giai đoạn 2024 – 2026.

(ii) Là khoản ứng trước theo Hợp đồng thầu phụ thi công xây dựng dự án Khu đô thị đại lộ Hòa Bình.

5. Phải thu về cho vay

5a. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Cơ khí và Thương mại Tràng An (trước là Công ty Cổ phần Vimeco Cơ khí và Thương mại)	1.812.797.157	2.236.165.453
Cho vay ngắn hạn ⁽ⁱ⁾	276.683.729	2.236.165.453
Cho vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.5b)	1.536.113.428	-
Công ty Cổ phần Môi trường Năng lượng Thăng Long ⁽ⁱⁱ⁾	20.000.000.000	-
Cộng	21.812.797.157	2.236.165.453

(i) Khoản cho vay theo hợp đồng ngày 18/09/2020, thời hạn 12 tháng, lãi suất 0%, mục đích phục vụ sản xuất kinh doanh thường xuyên. Tài sản đảm bảo là quyền đòi nợ duy nhất của Công ty Cổ phần Cơ khí và Thương mại Tràng An theo Hợp đồng kinh tế số 243/HĐ/2017/VimecoMT-CEC ký với Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng CEC Việt Nam ngày 24/03/2017. Theo phụ lục số 02 ngày 20/9/2024, khoản cho vay này được gia hạn đến hết ngày 20/9/2025.

(ii) Khoản cho vay Công ty Cổ phần Môi trường Năng lượng Thăng Long (“Bên vay”) theo hợp đồng ngày 15/05/2024, thời hạn 12 tháng, lãi suất 8%/năm, mục đích vay nhằm phục vụ cho hoạt động kinh doanh với số tiền cho vay 20.000.000.000 VND. Tại bất kỳ thời điểm nào trong Thời hạn vay, Bên cho vay có toàn quyền lựa chọn một hoặc tất cả các quyền sau: (i) Yêu cầu Bên vay trả nợ trước hạn theo quy định của hợp đồng; (ii) Yêu cầu Bên vay thực hiện chào bán cổ phần riêng lẻ cho Bên cho vay theo quy định của hợp đồng.

5b. Phải thu về cho vay dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Cơ khí và Thương mại Tràng An (trước là Công ty Cổ phần Vimeco Cơ khí và Thương mại) ⁽ⁱⁱⁱ⁾	-	1.536.113.428

(iii) Là khoản cho Công ty Cổ phần Cơ khí và Thương mại Tràng An vay theo khế ước vay vốn ngày 30 tháng 06 năm 2022, mục đích để trả nợ Ngân hàng, thời hạn cho vay theo phụ lục khế ước vay vốn là ngày 31/12/2025. Lãi suất cho vay cố định 7,5%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIMECO

Địa chỉ: Tòa nhà Vimenco, lô E9, đường Phạm Hùng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

6. Phải thu khác

6a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	58.327.039.785	-	73.050.220.387	-
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam - Phải thu lãi chậm trả ứng vốn dự án Bắc An Khánh	-	-	9.357.687.602	-
Tạm ứng (*)	58.327.039.785	-	63.692.532.785	-
Ông Hoàng Anh Tuyên	31.872.593.584	-	29.980.532.584	-
- Phó Tổng Giám đốc				
Ông Vũ Minh Hoàng	1.464.915.000	-	9.535.000.000	-
- Phó Tổng Giám đốc				
Ông Đoàn Ngọc Ba	1.379.531.201	-	2.177.000.201	-
- Phó Tổng Giám đốc				
Ông Nguyễn Đắc Trường	2.010.000.000	-	-	-
- Phó Tổng Giám đốc				
Bà Trần Thị Hồng	21.600.000.000	-	22.000.000.000	-
- Kế toán trưởng				
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	145.565.289.481	-	110.700.560.745	-
Tạm ứng (*)	113.691.452.560	-	82.179.924.220	-
Phải thu chi phí đầu tư dự án Khu đô thị Cao Xanh - Hà Khánh D (**)	24.549.196.556	-	24.549.196.556	-
Ký cược, ký quỹ	3.984.000.592	-	614.160.592	-
Phải thu lãi tiền gửi và cho vay	1.637.594.850	-	991.854.224	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.703.044.923	-	2.365.425.153	-
Cộng	203.892.329.266	-	183.750.781.132	-

(*) Các khoản tạm ứng cho các cán bộ nhân viên trong công ty để phục vụ công tác phát triển các dự án và các hoạt động của Công ty, sẽ được hoàn ứng dần theo tiến độ hoàn thành công việc được giao.

(**) Khoản phải thu về chi phí đầu tư cho Dự án xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu đô thị Cao Xanh-Hà Khánh D, phường Hà Khánh, thành phố Hạ Long. Dự án này đã bị thu hồi theo Quyết định số 1143/QĐ-UBND ngày 21/05/2012 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Theo Quyết định 1679/QĐ-UBND ngày 20/6/2023, Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã phê duyệt giá trị còn lại của tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tài sản đã đầu tư trên đất thuộc Dự án Khu đô thị mới Cao Xanh – Hà Khánh D để hoàn trả cho người bị thu hồi đất đối với dự án Khu đô thị mới Cao Xanh – Hà Khánh D do Công ty Cổ phần Vimenco làm chủ đầu tư, số tiền 24.836.902.125 VND.

Ngày 29/5/2024, Ủy ban Nhân dân thành phố Hạ Long đã ban hành Văn bản 4156/UBND-TCKH gửi Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc rà soát, phân bổ và đề xuất phương án để thanh toán giá trị hoàn trả cho người bị thu hồi đất đối với dự án Khu đô thị mới Cao Xanh – Hà Khánh D do Công ty Cổ phần Vimenco làm chủ đầu tư.

6b. Phải thu dài hạn khác

Là các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIMECO

Địa chỉ: Tòa nhà Vimeco, lô E9, đường Phạm Hùng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

7. Dự phòng nợ phải thu khó đòi

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Xây dựng 123	3.322.535.931	(3.322.535.931)	3.440.607.539	(3.440.607.539)
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng và Ứng dụng	3.070.651.395	(3.070.651.395)	3.070.651.395	(3.070.651.395)
Công nghệ mới - R&D				
Công ty Cổ phần Xây dựng số 15	2.583.660.508	(2.583.660.508)	2.583.660.508	(2.583.660.508)
Công ty Cổ phần Siêu Tuệ	2.169.303.500	(2.169.303.500)	2.169.303.500	(2.169.303.500)
Các tổ chức và cá nhân khác	31.029.574.130	(24.172.405.651)	33.090.640.639	(26.117.978.708)
Cộng	42.175.725.464	(35.318.556.985)	46.560.175.286	(37.382.201.650)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	37.382.201.650	38.187.512.635
Hoàn nhập dự phòng	(2.063.644.665)	(805.310.985)
Số cuối năm	35.318.556.985	37.382.201.650

8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.809.875.445	-	2.414.795.595	-
Công cụ, dụng cụ	1.677.631.951	-	1.399.094.230	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	324.433.787.704	-	321.768.264.060	-
Cao tốc Bắc Nam đoạn Vân Phong - Nha Trang	113.212.526.850	-	27.651.626.532	-
Cao tốc Bắc Nam đoạn Vũng Áng - Bình	37.123.700.517	-	27.147.071.875	-
Dự án Đại lộ Hòa Bình	28.152.991.427	-	23.326.009.495	-
Công trình mở rộng hệ thống tiếp nhiên liệu - Nhà ga T2 Nội Bài	16.510.932.372	-	67.469.919.349	-
San nền Cảng HKQT Long Thành	11.804.254.307	-	47.130.308.397	-
Các công trình khác	117.629.382.230	-	129.043.328.411	-
Cộng	327.921.295.100	-	325.582.153.885	-

9. Chi phí trả trước

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	150.319.267	16.276.743
Các chi phí khác	30.410.998	1.650.000
Cộng	180.730.265	17.926.743

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	560.307.628	1.765.927.290
Chi phí sửa chữa	1.222.740.078	1.490.755.453
Chi phí xây dựng trạm bê tông phục vụ dự án	9.213.646.952	16.380.716.497
Các chi phí khác	39.828.980	166.288.036
Cộng	11.036.523.638	19.803.687.276

CÔNG TY CỔ PHẦN VIMECO

Địa chỉ: Tòa nhà Vimeco, lô E9, đường Phạm Hùng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình						
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	62.642.909.248	362.528.289.167	166.065.674.230	2.520.872.625	2.333.555.444	596.091.300.714
Mua trong năm	-	3.425.925.926	-	70.436.363	-	3.496.362.289
Thanh lý, nhượng bán	(565.970.527)	(21.374.350.797)	(483.060.172)	-	-	(22.423.381.496)
Số cuối năm	62.076.938.721	344.579.864.296	165.582.614.058	2.591.308.988	2.333.555.444	577.164.281.507
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	24.820.193.895	124.510.959.145	103.957.733.452	2.119.707.534	1.977.238.944	257.385.832.970
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	41.673.098.244	241.082.931.767	132.128.045.381	2.244.429.701	2.122.388.932	419.250.894.025
Khấu hao trong năm	2.237.036.602	16.999.030.117	7.144.865.088	153.372.637	90.428.092	26.624.732.536
Thanh lý, nhượng bán	(565.970.527)	(20.626.445.705)	(483.060.172)	-	-	(21.675.476.404)
Số cuối năm	43.344.164.319	237.455.516.179	138.789.850.297	2.397.802.338	2.212.817.024	424.200.150.157
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	20.969.811.004	121.445.357.400	33.937.628.849	276.442.924	211.166.512	176.840.406.689
Số cuối năm	18.732.774.402	107.124.348.117	26.792.763.761	193.506.650	120.738.420	152.964.131.350
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 128.912.708.339 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng Thương mại.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIMECO

Địa chỉ: Tòa nhà Vimeco, lô E9, đường Phạm Hùng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

11. Tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	25.845.959.594	11.842.371.964	37.688.331.558
Số cuối năm	25.845.959.594	11.842.371.964	37.688.331.558
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	2.316.381.173	1.973.728.664	4.290.109.837
Khấu hao trong năm	1.723.781.570	1.184.237.194	2.908.018.764
Số cuối năm	4.040.162.743	3.157.965.858	7.198.128.601
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	23.529.578.421	9.868.643.300	33.398.221.721
Số cuối năm	21.805.796.851	8.684.406.106	30.490.202.957

12. Tài sản cố định vô hình

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Quyền sử dụng đất			
Số đầu năm	3.713.080.000	-	3.713.080.000
Tăng trong năm	11.501.000	-	11.501.000
Khấu hao trong năm	-	(103.425.368)	(103.425.368)
Số cuối năm	3.724.581.000	(103.425.368)	3.621.155.632

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

-

Là quyền sử dụng đất của 3 thửa đất tại xã Phú Mãn, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội, số tiền 3.713.080.000 VND, để phục vụ xây kho, bãi tập kết xe máy thiết bị, vật tư, xây dựng nhà ở tạm cho công nhân, nhà bảo vệ. Ngày 07/2/2024, Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất của 1 trong 3 thửa đất nói trên. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty vẫn đang làm các thủ tục cần thiết để sang tên quyền sử dụng của 2 thửa đất còn lại.

13. Bất động sản đầu tư

	Khu trường nghề cho thuê	Văn phòng cho thuê	Nhà và quyền sử dụng đất ^(*)	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	1.274.826.950	859.488.434	-	2.134.315.384
Mua trong năm	-	-	21.732.299.879	21.732.299.879
Số cuối năm	1.274.826.950	859.488.434	21.732.299.879	23.866.615.263
Trong đó:				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.274.826.950	859.488.434	-	2.134.315.384
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	1.274.826.950	859.488.434	-	2.134.315.384
Số cuối năm	1.274.826.950	859.488.434	-	2.134.315.384
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	-	-	-	-
Số cuối năm	-	-	21.732.299.879	21.732.299.879

(*) Bất động sản đầu tư được mua trong năm với mục đích là chờ tăng giá để bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIMECO

Địa chỉ: Tòa nhà Vimeco, lô E9, đường Phạm Hùng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện.

Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Khu trường nghề tại xã Phú Minh, thị trấn Sóc Sơn, thành phố Hà Nội	1.274.826.950	(1.274.826.950)	-
Văn phòng tại Lô E9, đường Phạm Hùng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	859.488.434	(859.488.434)	-
Căn hộ 106,2 m ² thuộc Dự án Khu Trung tâm thương mại dịch vụ và Nhà ở tại thị trấn Tân Túc, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh ⁽ⁱ⁾	3.797.468.661	-	3.797.468.661
Thửa đất 127,2 m ² thuộc Dự án Khu nhà ở Cao Ngạn ⁽ⁱⁱ⁾	4.218.831.172		4.218.831.172
Thửa đất 320 m ² thuộc Dự án Khu nhà ở Cao Ngạn ⁽ⁱⁱ⁾	10.939.266.880		10.939.266.880
Thửa đất 101,4 m ² thuộc Dự án Khu nhà ở Cao Ngạn ⁽ⁱⁱ⁾	2.776.733.166		2.776.733.166
Cộng	23.866.615.263	(2.134.315.384)	21.732.299.879

⁽ⁱ⁾ Căn hộ này được mua từ Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Ricons bằng hình thức bù trừ công nợ.

⁽ⁱⁱ⁾ Các thửa đất thuộc Dự án Khu nhà ở Cao Ngạn, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, được mua từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Danko bằng hình thức bù trừ công nợ.

14. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

Là chi phí san nền diện tích 1,7 ha thuộc lô E9, đường Phạm Hùng, số tiền 9.001.562.600 VND.

Theo Quyết định số 1856/QĐ-UB ngày 02 tháng 04 năm 2004 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội về việc giao đất cho Công ty Cổ phần Cơ giới Lắp máy và Xây dựng (tên cũ của Công ty) triển khai Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật và trụ sở làm việc mới kết hợp nhà ở cán bộ công nhân viên, Công ty đã được giao đầu tư hạ tầng kỹ thuật tại khu đất 27.559 m² phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy và tại xã Mễ Trì, huyện Từ Liêm (nay là quận Nam Từ Liêm), thành phố Hà Nội. Cũng theo Quyết định này, sau khi hoàn thành hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu đất, Công ty phải bàn giao cho thành phố một phần diện tích đã hoàn thành hạ tầng kỹ thuật để tổ chức xây dựng theo kế hoạch của thành phố, phần kinh phí đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật theo suất đầu tư phân bổ được UBND thành phố phê duyệt và thanh toán từ các chủ đầu tư thứ phát.

Công ty đã thực hiện đầu tư hạ tầng 17.149 m² đất (tương đương 1,7 ha) với tổng chi phí phát sinh là 9.001.562.600 đồng. Tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty đang trong quá trình làm việc với Sở Tài chính thành phố Hà Nội và các nhà đầu tư thứ phát tiềm năng cho dự án này để thực hiện thanh, quyết toán giá trị chi phí đã đầu tư.

15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần chi phí lãi vay không được trừ như sau:

Năm 2022	4.628.018.921
Năm 2023	22.360.856.166
Năm 2024	16.506.306.975
Cộng	43.495.182.062

CÔNG TY CỔ PHẦN VIMECO

Địa chỉ: Tòa nhà Vimeco, lô E9, đường Phạm Hùng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Theo quy định tại Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020, Nghị định số 20/2025/NĐ-CP ngày 10/02/2025 của Chính phủ, trường hợp doanh nghiệp có quan hệ liên kết và giao dịch liên kết từ kỳ tính thuế năm 2019 trở đi, phần chi phí lãi vay không được trừ được chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ trong trường hợp tổng chi phí lãi vay phát sinh được trừ của kỳ tính thuế tiếp theo thấp hơn mức quy định. Thời gian chuyển chi phí lãi vay tính liên tục không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận do ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những khoản chi phí lãi vay được chuyển này.

16. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	59.011.556.762	40.089.105.785
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	47.651.291.102	26.788.679.832
Công ty Cổ phần Viwaco	2.534.978.301	2.534.978.301
Công ty Cổ phần Xây dựng số 1	3.184.959.484	3.184.959.484
Công ty Cổ phần Xây dựng số 12	592.710.400	-
Công ty Cổ phần Vinaconex 25	-	201.360.000
Công ty Cổ phần Cơ điện Vinaconex	4.575.065.308	7.266.268.168
Công ty TNHH Bê tông nhựa Vinaconex - Tân Lộc	239.380.167	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	189.343.875.636	229.201.924.285
Cộng	248.355.432.398	269.291.030.070

17. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước của các bên liên quan	153.292.015.747	204.009.721.572
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	153.292.015.747	204.007.215.972
Công ty Cổ phần Cơ điện Vinaconex	-	2.505.600
Trả trước của các khách hàng khác	28.808.881.992	3.183.944.637
Cộng	182.100.897.739	207.193.666.209

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.911.431.273	6.022.153.504	(8.933.584.777)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.065.455.210	5.335.881.296	(6.844.492.549)	3.556.843.957
Thuế thu nhập cá nhân	851.443.277	1.305.118.249	(1.770.554.476)	386.007.050
Thuế tài nguyên	-	500.036.005	(500.036.005)	-
Thuế đất phi nông nghiệp	-	99.535.850	(99.535.850)	-
Tiền thuê đất	-	5.878.591.747	(5.878.591.747)	-
Thuế bảo vệ môi trường	-	142.867.430	(142.867.430)	-
Lệ phí môn bài	-	4.000.000	(4.000.000)	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	828.267.256	(828.267.256)	-
Cộng	8.828.329.760	20.116.451.337	(25.001.930.090)	3.942.851.007

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 8% và 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIMECO

Địa chỉ: Tòa nhà Vimeco, lô E9, đường Phạm Hùng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.528.547.746	11.492.431.845
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	18.461.358.734	23.299.128.602
- Các khoản điều chỉnh tăng	18.461.358.734	23.299.128.602
Chi phí loại trừ	1.955.051.759	938.272.436
Chi phí lãi vay không được trừ ⁽ⁱ⁾	16.506.306.975	22.360.856.166
Thu nhập chịu thuế	26.989.906.480	34.791.560.447
Thu nhập được miễn thuế (cổ tức)	(310.500.000)	(621.000.000)
Thu nhập tính thuế	26.697.694.179	34.170.560.447
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	5.335.881.296	6.834.112.089

(i) Chi phí lãi vay không được trừ này được chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ trong trường hợp tổng chi phí lãi vay phát sinh được trừ của kỳ tính thuế tiếp theo thấp hơn mức quy định. Thời gian chuyển chi phí lãi vay tính liên tục không quá 05 năm kể từ năm tiếp theo sau năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất cho các khu đất đang sử dụng với mức tiền thuê như sau:

Vị trí đất	Diện tích thuê	Mức tiền thuê
- Xã Liên Ninh, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội	4.729,5 m ²	144.639 đồng/ m ² /năm
- Đường Quốc lộ 2, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội	12.083 m ²	64.812 đồng/ m ² /năm
- Đội 6, Đồng Vỡ, xã Phú Mãn, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội	112.243 m ²	3.595 đồng/ m ² /năm
- Phường Tây Mỗ, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	7.225 m ²	29.493 đồng/ m ² /năm 58.987 đồng/ m ² /năm
- VT1 đường Phạm Hùng và VT1 phố Tú Mỡ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	2.420 m ²	303.679 đồng/ m ² /năm 866.611 đồng/ m ² /năm
- Xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì	7.394 m ²	286.152 đồng/ m ² /năm
- Phường Trung Hòa, Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	3.400 m ²	171.051 đồng/ m ² /năm 213.813 đồng/ m ² /năm

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIMECO

Địa chỉ: Tòa nhà Vimeco, lô E9, đường Phạm Hùng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí dự án	26.191.758.121	43.338.396.708
Công trình mở rộng hệ thống tiếp nhiên liệu - Nhà ga T2 Nội Bài	-	28.601.704.000
Công trình cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang	-	6.337.136.536
Công trình gói 4.6 Dự án Cảng HKQT Long Thành - Trạm bê tông Long Thành 2	16.304.579.278	-
Công trình Gói 28 Dự án san nền, hạ tầng Khu đô thị Bình Giang, Hải Dương	4.504.714.515	-
Các dự án khác	5.382.464.328	8.399.556.172
Chi phí lãi vay phải trả	680.881.218	751.482.375
Cộng	26.872.639.339	44.089.879.083

20. Doanh thu chưa thực hiện

Là doanh thu nhận trước về tiền thuê văn phòng.

20a. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Hệ thống giáo dục quốc tế Vimeco - Bên liên quan (xem thuyết minh số V.20b)	909.090.908	909.090.909
Các tổ chức khác	1.911.561.007	1.989.108.782
Cộng	2.820.651.915	2.898.199.690

20b. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Hệ thống giáo dục quốc tế Vimeco - Bên liên quan (*)	6.136.363.639	7.045.454.547

(*) Là doanh thu nhận trước của Công ty con về thuê văn phòng có thời hạn 10 năm (doanh thu 909.090.908 VND/năm).

21. Phải trả khác

21a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả bên liên quan	2.747.500.000	2.061.937.534
Thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát	2.747.500.000	1.967.500.000
Công ty Cổ phần Hệ thống giáo dục quốc tế Vimeco - Lãi vay phải trả	-	94.437.534
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	7.993.797.309	8.450.483.718
Kinh phí công đoàn	1.141.722.324	1.434.886.624
Phải trả tổ đội xây dựng	3.213.841.422	3.613.211.708
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	306.346.000	526.507.000
Cổ tức phải trả	758.212.200	810.017.220
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	2.573.675.363	2.065.861.166
Cộng	10.741.297.309	10.512.421.252

21b. Phải trả dài hạn khác

Là các khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIMECO

Địa chỉ: Tòa nhà Vimeco, lô E9, đường Phạm Hùng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

22. Vay và nợ thuê tài chính

22a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn đến hạn trả bên liên quan	1.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Hệ thống Giáo dục Quốc tế Vimeco (xem thuyết minh số V.22b)	1.500.000.000	-
Vay ngắn hạn ngân hàng	520.782.668.348	486.010.242.136
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ⁽ⁱ⁾	374.094.446.863	392.770.085.891
- Chi nhánh Hà Đông	361.887.951.747	328.160.255.311
- Chi nhánh Hà Thành	12.206.495.116	64.609.830.580
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	146.688.221.485	93.240.156.245
- Chi nhánh Thăng Long ⁽ⁱⁱ⁾		
Vay dài hạn đến hạn trả		
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (xem thuyết minh số V.22b)	16.275.272.724	20.473.000.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả - Công ty Cho thuê tài chính TNHH BIDV-Sumì Trust	8.359.125.000	8.359.125.000
- Chi nhánh Hà Nội (xem thuyết minh số V.22b)		
Cộng	546.917.066.072	514.842.367.136

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

- (i) Các khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Thông tin về các khoản vay như sau:

Chi nhánh	Hạn mức	Thời hạn	Lãi suất	Tài sản đảm bảo
CN Hà Đông	Hạn mức 1.300 tỷ VND, thời hạn cấp hạn mức đến 15/3/2025	Từ 06 đến 09 tháng	6,9% - 8,2%/năm	Các hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng, một số máy móc, thiết bị, xe ô tô
CN Hà Thành	Hạn mức 220 tỷ VND, thời hạn cấp hạn mức đến 15/3/2025	09 tháng	6,9% - 8,2%/năm	Một số máy móc, thiết bị, xe ô tô
(ii)	Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long với hạn mức 150 tỷ VND, thời hạn cấp hạn mức đến hết 28/06/2025. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh. Lãi suất từ 7,4%/năm - 8,7%/năm, tài sản đảm bảo là tiền gửi tại ngân hàng và một số máy móc, thiết bị.			

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	Vay ngắn hạn ngân hàng	Vay dài hạn đến hạn trả	Nợ thuê tài chính đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	486.010.242.136	20.473.000.000	8.359.125.000	514.842.367.136
Số tiền vay phát sinh trong năm	921.529.264.524	-	-	921.529.264.524
Kết chuyển từ vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	19.077.128.768	8.359.125.000	27.436.253.768
Số tiền vay đã trả trong năm	(886.756.838.312)	(21.774.856.044)	(8.359.125.000)	(916.890.819.356)
Số cuối năm	520.782.668.348	17.775.272.724	8.359.125.000	546.917.066.072

CÔNG TY CỔ PHẦN VIMECO

Địa chỉ: Tòa nhà Vimeco, lô E9, đường Phạm Hùng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

22b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn bên liên quan	2.100.000.000	2.900.000.000
Công ty Cổ phần Hệ thống Giáo dục Quốc tế Vimeco ⁽ⁱ⁾	2.100.000.000	2.900.000.000
Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam⁽ⁱⁱ⁾	9.505.031.161	14.602.159.929
- Chi nhánh Hà Đông	9.040.870.679	11.974.932.877
- Chi nhánh Hà Thành	464.160.482	2.627.227.052
Nợ thuê tài chính – Công ty Cho thuê tài chính TNHH BIDV-Sumi Trust – Chi nhánh Hà Nội⁽ⁱⁱⁱ⁾	10.128.781.250	18.487.906.250
Cộng	21.733.812.411	35.990.066.179

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

- (i) Khoản vay không có tài sản đảm bảo, lãi suất 0%/năm của Công ty Cổ phần Hệ thống Giáo dục Quốc tế Vimeco (Công ty con) theo các hợp đồng sau:

Hợp đồng	Số tiền	Thời hạn
Hợp đồng hỗ trợ tài chính số 85/2023/HĐHTTC ngày 13/03/2023	1.500.000.000	13/03/2023 - 13/03/2025
Hợp đồng hỗ trợ tài chính số 170/2023/HĐHTTC ngày 01/01/2023	1.400.000.000	01/01/2023 - 31/12/2028
Hợp đồng hỗ trợ tài chính số 84/2024/HĐHTTC ngày 01/01/2024	1.400.000.000	01/01/2024 - 30/09/2032

- (ii) Các khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, thời hạn vay 60 tháng, mục đích vay để đầu tư tài sản cố định. Thông tin bổ sung về các khoản vay như sau:

Chi nhánh	Hợp đồng	Lãi suất	Tài sản đảm bảo
CN Hà Đông	HĐTD ngày 28 tháng 03 năm 2022, tổng số tiền vay 76,1 tỷ đồng	7,5%/năm áp dụng trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất các kỳ sau được xác định bằng lãi suất tiết kiệm trả sau kỳ hạn 12 tháng cộng margin 2,8%/năm	Hoa lợi, lợi tức, khoản phí thu được từ việc đầu tư, kinh doanh, quản lý và phát triển văn phòng Vimeco Phạm Hùng
	HĐTD ngày 30 tháng 12 năm 2022, tổng số tiền vay 10,225 tỷ đồng	11%/năm áp dụng trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất các kỳ sau được xác định bằng lãi suất tiết kiệm trả sau kỳ hạn 12 tháng cộng margin 3,5%/năm.	Tài sản hình thành từ vốn vay
	HĐTD ngày 06 tháng 02 năm 2024, tổng số tiền vay 62,073 tỷ đồng	Lãi cho vay trong hạn tối thiểu bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng trả sau tại thời điểm điều chỉnh + biên độ 2,8%.	Tài sản hình thành từ vốn vay
CN Hà Thành	HĐTD ngày 15 tháng 01 năm 2021, tổng số tiền vay 12 tỷ đồng	9,5%/năm trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân, kỳ hạn tiếp theo lãi suất thả nổi. Lãi suất áp dụng kỳ này là 7,7%.	Một số máy móc, thiết bị

CÔNG TY CỔ PHẦN VIMECO

Địa chỉ: Tòa nhà Vimeco, lô E9, đường Phạm Hùng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- (iii) Nợ thuê tài chính của Công ty Cho thuê Tài chính TNHH BIDV - Sumi trust – Chi nhánh Hà Nội theo các Hợp đồng cho thuê tài chính ký kết năm 2022 và 2023, tài sản thuê tài chính là các máy móc thiết bị và phương tiện vận tải. Thời hạn thuê từ 48 đến 60 tháng. Lãi suất thuê cố định 6,5%/năm và 7,4%/năm trong 06 tháng kể từ ngày nhận nợ, sau đó lãi suất thuê là lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân 12 tháng trả lãi sau do ngân hàng công bố cộng với biên độ được điều chỉnh 03 tháng/lần. Tại thời điểm ký kết Hợp đồng, Bên thuê có quyền quyết định việc mua tài sản hoặc tiếp tục thuê tài sản sau khi kết thúc thời hạn thuê.

Thời hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm
Số cuối năm				
Vay dài hạn ngân hàng	25.780.303.885	16.275.272.724	9.505.031.161	-
Vay dài hạn Bên liên quan	3.600.000.000	1.500.000.000	1.400.000.000	700.000.000
Nợ thuê tài chính	18.487.906.250	8.359.125.000	10.128.781.250	-
Cộng	47.868.210.135	26.134.397.724	21.033.812.411	700.000.000
Số đầu năm				
Vay dài hạn ngân hàng	35.075.159.929	20.473.000.000	14.602.159.929	-
Vay dài hạn Bên liên quan	2.900.000.000	-	2.900.000.000	-
Nợ thuê tài chính	26.847.031.250	8.359.125.000	18.487.906.250	-
Cộng	64.822.191.179	28.832.125.000	35.990.066.179	-

Tổng nợ thuê tài chính phải trả như sau:

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm
Số cuối năm				
Tiền gốc phải trả	18.487.906.250	8.359.125.000	10.128.781.250	-
Lãi thuê phải trả	1.685.221.898	1.268.185.530	417.036.368	-
Nợ thuê tài chính phải trả	20.173.128.148	9.627.310.530	10.545.817.618	-
Số đầu năm				
Tiền gốc phải trả	26.847.031.250	8.359.125.000	18.487.906.250	-
Lãi thuê phải trả	3.408.188.478	1.964.656.360	1.443.532.118	-
Nợ thuê tài chính phải trả	30.255.219.728	10.323.781.360	19.931.438.368	-

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Vay dài hạn bên liên quan	Vay dài hạn ngân hàng	Nợ thuê tài chính	Cộng
Số đầu năm	2.900.000.000	14.602.159.929	18.487.906.250	35.990.066.179
Số tiền phát sinh trong năm	700.000.000	12.480.000.000	-	13.180.000.000
Kết chuyển sang vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	(1.500.000.000)	(17.577.128.768)	(8.359.125.000)	(27.436.253.768)
Số cuối năm	2.100.000.000	9.505.031.161	10.128.781.250	21.733.812.411

CÔNG TY CỔ PHẦN VIMECO

Địa chỉ: Tòa nhà Vimeco, lô E9, đường Phạm Hùng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**23. Vốn chủ sở hữu****23a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	215.995.830.000	30.000.000.000	-	102.945.066.284	348.940.896.284
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	4.658.319.756	4.658.319.756
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	21.593.680.000	-	-	(21.593.680.000)	-
Số dư cuối năm trước	237.589.510.000	30.000.000.000	-	86.009.706.040	353.599.216.040
Số dư đầu năm nay	237.589.510.000	30.000.000.000	-	86.009.706.040	353.599.216.040
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	3.192.666.450	3.192.666.450
Chia cổ tức bằng cổ phiếu ^(*)	23.751.810.000	-	-	(23.751.810.000)	-
Điều chuyển quỹ ^(**)	-	-	50.836.033.694	(50.836.033.694)	-
Số dư cuối năm nay	261.341.320.000	30.000.000.000	50.836.033.694	14.614.528.796	356.791.882.490

^(*) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 04 năm 2024 đã thông qua phương án hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, theo đó Công ty đã phát hành thêm 2.375.895 cổ phiếu (chia cổ tức 10%/vốn điều lệ).

Ngày 23 tháng 7 năm 2024, Công ty đã hoàn thành việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, theo đó số cổ phiếu đã phân phối cho cổ đông là 2.375.181 cổ phiếu, số cổ phiếu lẻ đã xử lý là 714 cổ phiếu.

Ngày 26/8/2024, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã có quyết định chấp thuận niêm yết bổ sung cổ phiếu của Công ty.

^(**) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 04 năm 2024, Công ty đã điều chuyển lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sang Quỹ đầu tư phát triển.

23b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	13.068.000.000	122.147.780.000
Ông Trần Kim Ngọc	65.000.000.000	-
Ông Phan Trần Hiếu	57.264.060.000	-
Các cổ đông khác	126.009.260.000	115.441.730.000
Cộng	261.341.320.000	237.589.510.000

23c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	26.134.132	23.758.951
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	26.134.132	23.758.951
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	26.134.132	23.758.951

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIMECO

Địa chỉ: Tòa nhà Vimeco, lô E9, đường Phạm Hùng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán tổng hợp

24a. Cam kết thuê tài sản

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	656.185.598	656.185.598
Trên 1 năm đến 5 năm	1.650.221.340	2.195.262.637
Trên 5 năm	736.445.177	847.589.477
Cộng	3.042.852.114	3.699.037.711

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động ở trên bao gồm:

- Tổng số tiền thuê 4.152,5 m² đất theo Hợp đồng thuê năm 2023 để sử dụng làm văn phòng giao dịch và trạm bảo dưỡng sửa chữa máy xây dựng, với giá thuê 144.639 VND/m²/năm. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 5 năm, tính từ ngày 14 tháng 4 năm 2023 đến 14 tháng 4 năm 2028.
- Tổng số tiền thuê 3.441m² đất theo Hợp đồng thuê năm 2004 để xây dựng trụ sở làm việc, với giá thuê 16.150 VND/m²/năm. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 40 năm, tính từ ngày 02 tháng 04 năm 2004.

24b. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền không còn số dư ngoại tệ (số đầu năm là 106,87 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hoạt động xây dựng	821.885.007.441	1.085.823.383.267
Doanh thu sản xuất công nghiệp	260.259.535.983	55.840.192.050
Doanh thu cung cấp dịch vụ	28.113.336.932	19.586.070.209
Cộng	1.110.257.880.356	1.161.249.645.526

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	787.504.580.009	704.177.174.508
Công ty Cổ phần Vinaconex 25	7.241.751.000	314.631.500
Công ty Cổ phần Xây dựng số 1	496.287.946	353.826.553
Công ty TNHH MTV Vinaconex Xây dựng	-	1.930.358.314
Công ty Cổ phần Cơ điện Vinaconex	41.020.000	-
Cộng	795.283.638.955	706.775.990.875

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hoạt động xây lắp	769.087.654.586	1.003.062.215.453
Giá vốn của hoạt động sản xuất công nghiệp	240.915.286.286	65.333.034.498
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	18.116.680.321	9.834.308.840
Cộng	1.028.119.621.193	1.078.229.558.791

CÔNG TY CỔ PHẦN VIMECO

Địa chỉ: Tòa nhà Vimeco, lô E9, đường Phạm Hùng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	2.659.036.229	4.241.761.494
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	63.114.063	59.907.811
Lãi tiền cho vay	1.221.978.918	116.808.625
Lãi chuyển nhượng Công ty Cổ phần Vimeco	-	1.243.553.790
Cơ khí và Thương Mại	-	-
Lãi chuyển nhượng Công ty Cổ phần Nhân lực và Thương mại Vinaconex	-	2.860.000.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	310.500.000	621.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	609.954	-
Doanh thu tài chính khác	166.095.462	-
Cộng	4.419.171.757	9.103.555.567

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	42.178.719.922	50.182.834.381
Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư	(251.047.264)	(291.527.517)
Cộng	41.927.672.658	49.891.306.864

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	26.235.675.225	29.347.667.964
Chi phí vật liệu quản lý	1.855.242.681	1.711.758.849
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.949.667.982	1.172.868.369
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.758.501.559	1.474.687.344
Thuế, phí và lệ phí	4.000.000	4.000.000
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(2.063.644.665)	(805.310.984)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.249.582.475	583.411.199
Các chi phí khác	8.078.841.235	7.536.407.386
Cộng	40.067.866.492	41.025.490.127

6. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý tài sản cố định, trạm trộn bê tông và vật tư	5.703.250.169	10.426.683.712
Thu thanh lý	6.451.155.261	11.433.082.677
Giá trị còn lại của tài sản cố định	(747.905.092)	(277.241.667)
Giá trị ghi sổ của trạm trộn bê tông và vật tư	-	(729.157.298)
Thu nhập khác	221.374	83.832
Cộng	5.703.471.543	10.426.767.544

7. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Tiền thuê đất	403.513.586	-
Thuế bị phạt, bị truy thu	903.623.188	-
Chi phí khác	429.678.793	141.181.010
Cộng	1.736.815.567	141.181.010

CÔNG TY CỔ PHẦN VIMECO

Địa chỉ: Tòa nhà Vimeco, lô E9, đường Phạm Hùng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

8. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	495.981.761.806	369.173.376.589
Chi phí nhân công	112.235.847.581	179.497.993.572
Chi phí khấu hao tài sản cố định	29.636.176.668	31.132.576.878
Chi phí dịch vụ mua ngoài	409.632.579.267	537.299.213.471
Chi phí khác	22.328.599.971	19.347.755.120
Cộng	1.069.814.965.293	1.136.450.915.630

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

Các giao dịch không bằng tiền

	Năm nay	Năm trước
Tăng tài sản thuê tài chính	-	3.818.181.818
Mua bất động sản đầu tư bằng cách bù trừ khoản nợ phải thu khách hàng	21.732.299.879	-

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Các thành viên Ban điều hành		
Ông Hoàng Anh Tuyên		
Số tiền tạm ứng	8.395.000.000	7.420.000.000
Số tiền hoàn ứng	6.502.939.000	25.927.467.420
Ông Vũ Minh Hoàng		
Số tiền tạm ứng	650.000.000	7.940.000.000
Số tiền hoàn ứng	8.720.085.000	-
Ông Đoàn Ngọc Ba		
Số tiền tạm ứng	-	1.200.000.000
Số tiền hoàn ứng	797.469.000	3.470.439.000
Ông Nguyễn Đức Trường		
Số tiền tạm ứng	3.500.000.000	-
Số tiền hoàn ứng	1.490.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VIMECO

Địa chỉ: Tòa nhà Vimeco, lô E9, đường Phạm Hùng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.6 và V.21a.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Chức vụ	Tiền lương	Thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
Năm nay					
Ông Dương Văn Mậu	Chủ tịch HĐQT	-	-	180.000.000	180.000.000
Ông Nguyễn Khắc Hải	Thành viên HĐQT	-	-	120.000.000	120.000.000
Ông Đặng Văn Hiếu	Tổng Giám đốc/ Thành viên HĐQT	657.797.545	54.156.869	-	711.954.414
Ông Trần Đình Tuấn	Thành viên HĐQT	-	-	90.000.000	90.000.000
Ông Bùi Văn Thiêng	Thành viên độc lập HĐQT	-	-	90.000.000	90.000.000
Ông Nguyễn Đắc Trường	Phó Tổng Giám đốc	-	-	30.000.000	30.000.000
Ông Vũ Văn Mạnh	Trưởng BKS	-	-	120.000.000	120.000.000
Bà Trần Thị Kim Oanh	Thành viên BKS	-	-	60.000.000	60.000.000
Ông Nguyễn Tiến Khánh	Thành viên BKS	-	-	60.000.000	60.000.000
Ông Đoàn Ngọc Ba	Phó Tổng Giám đốc	636.627.420	47.397.908	-	684.025.328
Ông Vũ Minh Hoàng	Phó Tổng Giám đốc	605.605.800	47.164.643	-	652.770.443
Ông Hoàng Anh Tuyên	Phó Tổng Giám đốc	578.752.200	47.397.908	-	626.150.108
Bà Võ Thị Hải An	Kế toán trưởng (đến 20/01/2025)	489.731.000	36.543.771	-	526.274.771
Cộng		2.968.513.965	232.661.099	750.000.000	3.951.175.064
Năm trước					
Ông Dương Văn Mậu	Chủ tịch HĐQT	-	-	180.000.000	180.000.000
Ông Nguyễn Khắc Hải	Thành viên HĐQT	-	-	120.000.000	120.000.000
Ông Đặng Văn Hiếu	Tổng Giám đốc /Thành viên HĐQT	649.882.431	57.000.000	-	706.882.431
Ông Vũ Minh Tuấn (*)	Thành viên HĐQT (đến 06/4/2023)	-	-	150.000.000	150.000.000
Ông Nguyễn Đắc Trường	Thành viên HĐQT (đến 06/4/2023)	-	20.000.000	120.000.000	140.000.000
Ông Vũ Văn Mạnh	Trưởng BKS	-	-	120.000.000	120.000.000
Bà Trần Thị Kim Oanh	Thành viên BKS	-	-	60.000.000	60.000.000
Ông Nguyễn Tiến Khánh	Thành viên BKS	-	-	47.500.000	47.500.000
Ông Đoàn Ngọc Ba	Phó Tổng Giám đốc	625.652.390	37.121.700	-	662.774.090
Ông Vũ Minh Hoàng	Phó Tổng Giám đốc	565.975.715	48.200.000	-	614.175.715
Ông Hoàng Anh Tuyên	Phó Tổng Giám đốc	568.774.900	49.495.600	-	618.270.500
Ông Nguyễn Xuân Thanh	Phó Tổng Giám đốc (đến 9/8/2023)	337.468.700	50.000.000	-	387.468.700
Ông Trần Trung Huế	Phó Tổng Giám đốc (đến 17/11/2023)	404.731.861	47.845.700	-	452.577.561
Ông Lê Thế Hùng	Phó Tổng Giám đốc (đến 17/11/2023)	462.953.000	49.495.600	-	512.448.600
Bà Võ Thị Hải An	Kế toán trưởng (từ 17/11/2023)	438.525.246	38.594.000	-	477.119.246
Cộng		4.053.964.243	397.752.600	797.500.000	5.249.216.843

CÔNG TY CỔ PHẦN VIMECO

Địa chỉ: Tòa nhà Vimeco, lô E9, đường Phạm Hùng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam		
Mua hàng hóa, vật tư và dịch vụ	103.109.989.139	22.683.952.453
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	12.214.770.000	11.104.340.000
Công ty TNHH MTV Vinaconex Xây dựng		
Chi phí sử dụng dịch vụ, mua vật tư	-	126.132.963
Giảm giá trị khối lượng hoàn thành	-	(5.879.246.472)
Công ty Cổ phần Cơ điện Vinaconex		
Mua vật tư, thi công xây dựng	20.378.363.866	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 12		
Mua vật tư, nguyên vật liệu	838.033.426	-
Công ty TNHH Bê tông nhựa Vinaconex – Tấn Lộc		
Chi phí thuê trộn bê tông	8.666.416.011	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Đô thị Việt Nam		
Sử dụng dịch vụ	1.332.172.057	-
Công ty Cổ phần Vinaconex 25		
Mua vật tư, nguyên vật liệu	-	183.054.546

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V6a, V.16, V.17, V.20, V.21a và V.22.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực hoạt động xây lắp;
- Lĩnh vực sản xuất công nghiệp: sản xuất, phân phối bê tông tại các công trình;
- Lĩnh vực khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIMECO

Địa chỉ: Tòa nhà Vimeco, lô E9, đường Phạm Hùng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Lĩnh vực hoạt động xây lắp	Lĩnh vực sản xuất công nghiệp	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm nay					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	821.885.007.441	260.259.535.983	28.113.336.932	-	1.110.257.880.356
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận (*)	-	31.787.461.303	-	(31.787.461.303)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	821.885.007.441	292.046.997.286	28.113.336.932	(31.787.461.303)	1.110.257.880.356
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	52.797.352.855	51.131.711.000	9.996.656.611	(31.787.461.303)	82.138.259.163
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(40.067.866.492)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					42.070.392.671
Doanh thu hoạt động tài chính					4.419.171.757
Chi phí tài chính					(41.927.672.658)
Thu nhập khác					5.703.471.543
Chi phí khác					(1.736.815.567)
Chi phí thuế TNDN hiện hành					(5.335.881.296)
Lợi nhuận sau thuế TNDN					3.192.666.450
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ và tài sản dài hạn khác	3.507.863.289	-	1.421.417.289	-	4.929.280.578
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	22.026.723.359	13.683.625.460	4.114.408.779	-	39.824.757.597
Năm trước					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.085.321.021.267	54.213.840.154	21.714.784.105	-	1.161.249.645.526
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận (*)	-	13.937.094.651	-	(13.937.094.651)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.085.321.021.267	68.150.934.805	21.714.784.105	(13.937.094.651)	1.161.249.645.526
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	82.761.167.814	4.444.252.203	9.751.761.369	(13.937.094.651)	83.020.086.735
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(41.025.490.127)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					41.994.596.608
Doanh thu hoạt động tài chính					9.103.555.567

CÔNG TY CỔ PHẦN VIMECO

Địa chỉ: Tòa nhà Vimeco, lô E9, đường Phạm Hùng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Lĩnh vực hoạt động xây lắp	Lĩnh vực sản xuất công nghiệp	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Chi phí tài chính					(49.891.306.864)
Thu nhập khác					10.426.767.544
Chi phí khác					(141.181.010)
Chi phí thuế TNDN hiện hành					(6.834.112.089)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	31.032.071.262	967.433.187	1.291.894.115	-	4.658.319.756
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ và tài sản dài hạn khác					33.291.398.564
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	20.190.642.081	12.435.444.339	3.961.840.190	-	36.587.926.609
(*) Là bê tông của các trạm trộn cung cấp cho các công trình của Công ty.					
Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:					
	Lĩnh vực hoạt động xây lắp	Lĩnh vực sản xuất công nghiệp	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	867.566.843.790	170.923.241.775	196.934.890.099	-	1.235.424.975.664
Tài sản phân bổ cho bộ phận					179.187.539.755
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					1.414.612.515.419
Tổng tài sản	392.945.730.044	54.426.926.874	31.936.204.377	-	479.308.861.295
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận					578.511.771.634
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận					1.057.820.632.929
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					
Tổng nợ phải trả	1.021.257.102.603	190.498.903.032	139.039.540.223	-	1.350.795.545.858
Số đầu năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận					111.921.812.638
Tài sản phân bổ cho bộ phận					1.462.717.358.496
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					531.694.291.599
Tổng tài sản	422.101.382.679	71.214.204.712	38.378.704.208	-	577.423.850.857
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận					1.109.118.142.456
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận					
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					
Tổng nợ phải trả					

CÔNG TY CỔ PHẦN VIMECO

Địa chỉ: Tòa nhà Vimeco, lô E9, đường Phạm Hùng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

Lập, ngày 22 tháng 02 năm 2025

Người lập biểu



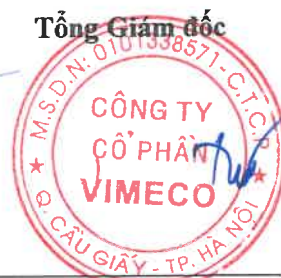
Võ Thị Hải An

Kế toán trưởng



Trần Thị Hồng

Tổng Giám đốc



Đặng Văn Hiếu

